

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
xã Đại Từ giai đoạn 2026 – 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI TỪ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Đại Từ về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 xã Đại Từ;

Căn cứ Quyết định số 2611/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về ban hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026-2030;

Xét đề nghị của phòng Kinh tế xã Đại Từ tại Tờ trình số 383/TTr-KT ngày 31/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội xã Đại Từ giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Văn phòng HĐND&UBND chủ trì theo dõi, tổng hợp báo cáo giữa kỳ, cuối kỳ kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030.

2. Các cơ quan, đơn vị:

Căn cứ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội xã Đại Từ giai đoạn 2026-2030: Các cơ quan đơn vị tổ chức triển khai thực hiện. Báo cáo giữa kỳ, cuối kỳ tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 và báo cáo định kỳ kế hoạch hằng năm, đảm bảo tiến độ, chất lượng gửi Văn phòng HĐND&UBND xã tổng hợp, báo cáo UBND xã.

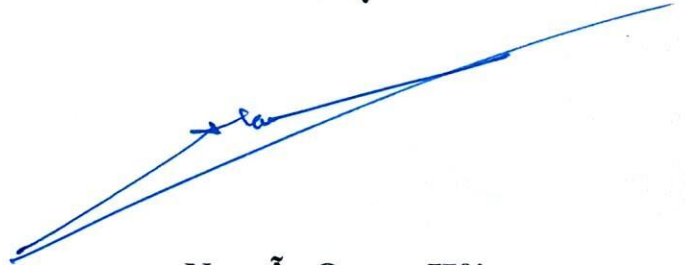
Điều 3. Chánh văn phòng HĐND&UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế; Trưởng phòng Văn hoá và thể thao các cơ quan đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tài chính Thái Nguyên;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Ủy ban MTTQ xã;
- Các đại biểu HĐND xã khóa I;
- Các cơ quan khối Đoàn thể xã;
- Các phòng, ban, ngành của xã;
- VP Đảng ủy, VP HĐND&UBND xã;
- Bí thư, trưởng các xóm trên địa bàn;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT-TH.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quang Hải

Trưởng phòng Kinh tế
Trưởng phòng Văn hoá và thể thao

UBND XÃ

CHỦ TỊCH

Trưởng phòng Kinh tế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẠI TỪ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Phát triển kinh tế - xã hội xã Đại Từ giai đoạn 2026-2030

(Kèm theo Quyết định số 1532/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND xã Đại Từ)

**I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN
KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2026-2030**

1. Mục tiêu tổng quát:

Phát triển kinh tế theo hướng bền vững, giảm thiểu những tác động xấu đến môi trường; tiếp tục đổi mới, sáng tạo, đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, giải phóng mặt bằng, thu hút đầu tư, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tập trung đầu tư xây dựng hạ tầng nông thôn mới bền vững; phát triển kinh tế nông thôn bền vững gắn với nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; chăm lo phát triển văn hóa, đảm bảo an sinh xã hội; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân; củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội; phấn đấu xây dựng Đại Từ thành xã nông thôn mới kiểu mẫu năm 2030.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu:

2.1. Về kinh tế.

(1) Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn bình quân đạt từ 10,5%/năm trở lên.

(2) Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2030 đạt trên 70 triệu đồng/người/năm

(3) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (không bao gồm thu tiền sử dụng đất) tăng bình quân 10%/năm.

(4) Sản lượng lương thực có hạt đạt: 10.100 tấn.

(5) Sản lượng chè búp tươi đạt 13.000 tấn

(6) Sản lượng thịt gia súc, gia cầm chủ yếu xuất chuồng: 3.170 tấn

2.2. Về Văn hoá xã hội

(7) Đến năm 2030, tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực nông thôn < 2,3%

(8) Đến năm 2030, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%

(9) Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia đạt 100%

(10) Đến năm 2030, mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều 1,08%

(11) Đến năm 2030, tỷ lệ hộ gia đình được dùng nước sạch đạt chuẩn theo quy định tại nông thôn đạt 85%

(12) Hằng năm có trên 90% gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa; trên 90% số xóm đạt khu dân cư văn hóa; trên 95% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa.

(13) 100% tổng số hồ sơ công việc của cả xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ những hồ sơ công việc thuộc phạm vi

bí mật nhà nước); 100% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trên môi trường mạng; hạ tầng mạng truy cập băng rộng cố định được đầu tư, nâng cấp đảm bảo 100% người sử dụng có khả năng truy nhập tốc độ trên 1Gb/s; mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 100% dân số, hướng tới phát triển mạng di động tiên tiến thế hệ tiếp theo.

2.3. Về môi trường

(14) Đến năm 2030, diện tích trồng rừng mới tập trung 130ha

(15) Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 100%.

(16) Tỷ lệ phương tiện giao thông công cộng (xe buýt, taxi) sử dụng năng lượng xanh năm 2030 đạt từ 30% trở lên.

2.4. Về quốc phòng

(17) Hằng năm, phân đầu xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ đạt từ 2,54% trở lên so với dân số của xã. Thực hiện giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho 20,75% các đối tượng theo quy định.

(Chi tiết tại phụ biểu kèm theo)

III. NHIỆM VỤ VÀ CHỦ YẾU TRÊN CÁC LĨNH VỰC

1. Về phát triển kinh tế

1.1. Về nông, lâm nghiệp, thủy sản

Phát triển sản xuất ngành nông nghiệp, an toàn, đẩy mạnh sản xuất hàng hóa đa dạng, năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh theo Nghị quyết 10/NQ-TU của BCH Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên về phát triển nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2019-2025 định hướng đến năm 2030;

Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển cây chủ lực nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030 trên đại bàn xã Đại Từ. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển sản xuất, chế biến, kinh doanh, nâng cao giá trị sản phẩm chủ lực ngành nông nghiệp; đẩy mạnh phát triển kinh tế nông thôn bền vững, gắn với nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Hình thành các hợp tác xã kiểu mới và vùng nguyên liệu tập trung; Khuyến khích mô hình nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp thông minh; Hỗ trợ kết nối thị trường, xây dựng sản phẩm OCOP... Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cơ cấu sản phẩm theo hướng nâng cao giá trị, hiệu quả kinh tế. Duy trì ổn định sản xuất lương thực hàng năm; đầu tư phát triển vùng sản xuất tập trung, chuyên canh lúa, xây dựng cánh đồng một giống chất lượng cao tại các xóm Phú Nghĩa, Gò Thang, Sơn Mè...

Tiếp tục xác định cây chè là cây trồng mũi nhọn trong phát triển nông nghiệp của xã, giai đoạn 2026-2030 tập trung thu hút các nguồn lực Xây dựng và triển khai có hiệu quả Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của BCH Đảng bộ tỉnh về phát triển cây chè trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2025-2030. Thực hiện đồng bộ các giải pháp trong sản xuất, chế biến, kinh doanh, quảng bá và tiêu thụ

nhằm nâng cao giá trị cây chè, tạo ra các sản phẩm trà đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm và gắn với phát triển du lịch. Đẩy mạnh thâm canh, đầu tư phát triển vùng sản xuất nguyên liệu chè tập trung. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất, chế biến và bảo quản, cải tiến mẫu mã bao bì; hình thành các sản phẩm trà cấp cao, trà đặc sản, sản phẩm đặc trưng gắn với các làng nghề, hợp tác xã sản xuất, chế biến chè.

Khuyến khích đầu tư chăn nuôi tập trung theo quy hoạch, chăn nuôi trang trại, an toàn dịch bệnh, đảm bảo vệ sinh môi trường, nâng cao chất lượng sản phẩm. Hỗ trợ, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển đa dạng các mô hình chăn nuôi thủy sản sử dụng có hiệu quả diện tích mặt nước ao, hồ tại địa phương. Phát triển mạnh kinh tế đồi rừng gắn với tăng cường quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học; trong đó đẩy mạnh trồng rừng sản xuất, trồng cây dược liệu.

1.2. Về công nghiệp- TTCN; Thương mại, dịch vụ, du lịch

Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện Đề án phát triển kinh tế tư nhân tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030 ” và Đề án phát triển công nghiệp tỉnh Thái Nguyên theo hướng xanh, hiện đại giai đoạn 2026 - 2030. Tập trung thu hút đầu tư xây dựng 01 cụm công nghiệp quy mô nhỏ; định hướng phát triển các ngành, nghề chế biến, bảo quản nông lâm sản, thực phẩm, gia công cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến gỗ, chế biến chè, may mặc.... Khuyến khích các doanh nghiệp, HTX, cơ sở sản xuất ứng dụng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, tiết kiệm tài nguyên. Thực hiện tốt công tác khuyến công, hỗ trợ các hợp tác xã, làng nghề truyền thống phát triển sản xuất.

Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển thương mại, dịch vụ tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030. Mở rộng, phát triển mạng lưới cơ sở hạ tầng thương mại, dịch vụ, nhất là hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện ích, định hướng để hình thành trung tâm thương mại tại trung tâm xã và các khu vực tập trung đông dân cư. Quan tâm đầu tư kết cấu hạ tầng chợ nông thôn đáp ứng tiêu chuẩn nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu. Khuyến khích phát triển mạnh các dịch vụ thương mại điện tử, dịch vụ số, tín dụng ngân hàng, chăm sóc sức khỏe, viễn thông...Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng các dịch vụ...tăng cường công tác kiểm soát thị trường, nâng cao nhận thức cho cộng đồng doanh nhân, doanh nghiệp và người dân về kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, hình thành thói quen tiêu dùng xanh, bảo vệ môi trường.

Xây dựng và triển khai có hiệu quả Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển du lịch tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030. Thu hút, khuyến khích các nhà đầu tư các dự án du lịch, nghỉ dưỡng tại sườn Đông Tam Đảo xã Đại Từ; Du lịch cộng đồng gắn với trải nghiệm nông nghiệp, lễ hội truyền thống; hình thành các tua, tuyến du lịch kết nối với các điểm du lịch ở các xã lân cận trong tỉnh (Ví dụ như Tour Tân Cương - Đại Phúc - Hồ Núi Cốc - La Bằng - Đại Từ - Vạn Phú - Quân Chu ...).

1.3. Về tài chính, tín dụng:

Nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu ngân sách trên địa bàn, tạo nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng. Quyết liệt chỉ đạo, thực hiện các giải pháp thu ngân sách; triển khai thực hiện quy trình đấu giá, đấu thầu, lựa chọn nhà đầu tư thực hiện các dự án theo thẩm quyền được phân cấp. Ưu tiên nhiệm vụ chi đầu tư phát triển; thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng ngân sách nhà

nước. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát trong lĩnh vực tài chính ngân sách.

1.4. Về Đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội:

Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 với các dự án, công trình cụ thể, ưu tiên các công trình trọng điểm và đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực của địa phương và khả năng huy động từ các nguồn vốn của TW, tỉnh, doanh nghiệp, xã hội hóa...; Sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công, nguồn vốn huy động thu hút đầu tư¹ làm cơ sở để xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu.

Thực hiện công tác điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2025 - 2030 xã Đại Từ. Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện lập quy hoạch chung xã Đại Từ đến năm 2045 làm cơ sở thu hút đầu tư và quản lý sử dụng đất. Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện “Đề án Phát triển toàn diện khu vực nông thôn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030”. Tiếp tục kêu gọi, thu hút đầu tư hạ tầng các khu dân cư trên địa bàn xã: Khu dân cư số 2 xã Bình Thuận (44ha), Khu dân cư nông thôn số 1 xã Mỹ Yên (12ha)... Tập trung huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển (*ngân sách địa phương, Trung ương, Tỉnh, vốn đầu tư từ doanh nghiệp, xã hội hóa*) xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, nhất là phát triển hạ tầng giao thông để tạo động lực phát triển kinh tế: Nâng cấp, mở rộng, thảm nhựa tuyến trục chính nối ĐT 261 đến ĐT 270; Nâng cấp mở rộng tuyến đường trục xã kết nối ĐT.261 với ĐT.263B; Đường liên xã Mỹ Yên - Lục Ba (cũ); Mở đường mới kết nối giữa tuyến 261 đi 270 với trung tâm xã Khôi Kỳ;...; Tập trung đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn, phấn đấu đến năm 2030 các tuyến đường xóm, đường liên xóm trên địa bàn được mở rộng đảm bảo nền đường đạt tối thiểu từ cấp B trở lên, 100% mặt đường được cứng hoá. Tiếp tục thực hiện tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, vận động hiến đất để thực hiện các công trình, dự án; Phối hợp với các ngành của tỉnh triển khai thực hiện dự án đường Bắc Giang – Thái Nguyên – Tuyên Quang (đoạn qua địa phận xã Đại Từ); Đường Hồ Núi Cốc....

1.5. Về tài nguyên, bảo vệ môi trường; phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án quản lý đất đai giai đoạn 2026-2030 xã Đại Từ” và Kế hoạch thực hiện “Đề án Tăng cường quản lý, khai thác có hiệu quả tài nguyên đất, nước và khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường, phát triển bền vững giai đoạn 2026 – 2030” xã Đại Từ. Chỉ đạo tăng cường quản lý đất đai, quan tâm cải cách thủ tục hành chính về đất đai. Thực hiện tốt công tác quản lý tài nguyên, quản lý và sử dụng đất đai, khai thác khoáng sản. Chú trọng quản lý chặt chẽ đất công; giải quyết tồn tại vướng mắc về đất đai, đo đạc bản đồ. Tiếp tục triển khai công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thực hiện tốt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm. Kiểm tra, giám sát chặt chẽ công tác bảo vệ môi trường, kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm, đặc biệt là tại các

¹ Thu hút các nguồn lực để đầu tư Xây dựng và mở rộng trụ sở làm việc của Đảng uỷ- HĐND- UBND xã; Nâng cấp, mở rộng tuyến trục chính nối đường ĐT261 đến ĐT270; Xây dựng sân vận động xã; xây dựng và sửa chữa các nhà văn hoá xóm; các công trình xây dựng mới, sửa chữa trường, lớp của các trường học trên địa bàn xã... Tiếp tục thực hiện Dự án điểm khu dân cư nông thôn Khôi Kỳ, Bình Thuận; Khu tái định cư Bình Thuận;

điểm khai thác khoáng sản, các trang trại chăn nuôi. Nâng cao ý thức của các tầng lớp nhân dân về bảo vệ môi trường. Tiếp tục phối hợp giải quyết các vướng mắc trong quản lý, sử dụng đất đai khu vực Vườn Quốc gia Tam Đảo.

Thực hiện đồng bộ công tác quản lý, bảo vệ môi trường. Chú trọng nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong triển khai thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; thực hiện phân loại, thu gom, xử lý rác thải theo quy định; chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai.

2. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

2.1. Về giáo dục, đào tạo

Triển khai thực hiện có hiệu quả chủ trương, nghị quyết của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trọng tâm là Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện ‘Đề án: Phát triển Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030’ trên địa bàn xã. Xây dựng môi trường giáo dục nền nếp, kỷ cương, an toàn, lành mạnh. Nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học, chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức chấp hành pháp luật cho học sinh; gắn kết giáo dục gia đình, nhà trường và xã hội. Thu hút các nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo, tăng cường phổ cập giáo dục, duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3; trước năm 2030 đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3-5 tuổi; Duy trì 100% trường đạt chuẩn quốc gia. Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học, trung học cơ sở đạt 99,5%. Tiếp tục thực hiện rà soát, sắp xếp, điều chỉnh lại quy mô trường, lớp, học sinh một cách hợp lý.

Thực hiện công tác quản lý nhà nước về giáo dục đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông theo phân cấp, thẩm quyền; Tiếp tục thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Chú trọng bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu giáo dục phổ thông mới. Tập trung củng cố, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; duy trì trường chuẩn Quốc gia. Tiếp tục thực hiện nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ, nâng cao khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh cho học sinh. Thực hiện tốt công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở.

Tiếp tục quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học, thực hiện chuẩn hoá trong giáo dục. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa, chuyển đổi số trong giáo dục nhằm cải thiện chất lượng giảng dạy, học tập, và quản lý của các nhà trường, từng bước tạo môi trường học tập hiện đại, linh hoạt, đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên số và hội nhập quốc tế.

2.2. Về y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân và Đề án phát triển Y tế trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 – 2030. Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về y tế theo phân cấp, thẩm quyền; tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động mạng lưới y tế trên địa bàn, phát huy vai trò, chức năng nhiệm vụ của các trạm y tế xã; xây dựng xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế theo tiêu chuẩn hiện hành; Kêu gọi, thu hút, tập trung các nguồn lực để đầu tư Trạm y tế xã; Nâng cao chất lượng

hoạt động của y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, an toàn vệ sinh thực phẩm. Chủ động trong giám sát, phát hiện sớm và phòng chống dịch bệnh tại cộng đồng. Triển khai hoạt động Chăm sóc sức khỏe toàn diện, tăng cường quản lý sức khỏe cá nhân, quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử, khám, theo dõi sức khỏe định kỳ và dự phòng bệnh tật; thực hiện tốt công tác dân số và phát triển.

2.3. Về chính sách xã hội, giải quyết việc làm, giảm nghèo và nâng cao đời sống Nhân dân

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với người có công với cách mạng, các đối tượng bảo trợ xã hội. Tiếp tục thực hiện tốt các chương trình an sinh xã hội; huy động các nguồn lực xã hội để giảm nghèo bền vững. Phối hợp mở các hội nghị tư vấn hướng nghiệp, giới thiệu việc làm, xuất khẩu lao động và các lớp dạy nghề, đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu của người lao động và thực tiễn của địa phương. Phần đầu tỷ lệ lao động qua đào tạo của xã đến năm 2030 chiếm 75% trở lên, trong đó có văn bằng chứng chỉ đạt 35%.

2.4. Về văn hóa, thể thao; thông tin, truyền thông

Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện “Đề án phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 – 2030”. Quan tâm xây dựng môi trường văn hóa gắn với phát triển con người Đại Từ có tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường và xây dựng lối sống, nếp sống văn hóa của cộng đồng. Tiếp tục nâng cao chất lượng phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", trong đó chú trọng các phong trào hạt nhân như xây dựng gia đình văn hóa, xóm, tổ dân phố văn hóa, phong trào thi đua người tốt, việc tốt và các điển hình tiên tiến... Phần đầu hằng năm có trên 90% gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa; trên 90% số xóm đạt khu dân cư văn hóa; trên 95% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa.

Đẩy mạnh phát triển phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng. Bảo tồn, duy trì lễ hội chùa Sơn Dược; Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực văn hoá. Tăng cường thông tin, quảng bá tiềm năng, thế mạnh của xã nhằm thu hút đầu tư; đấu tranh mạnh với các loại hình văn hóa độc hại.

2.5. Về Ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh

Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Tích cực triển khai chương trình “Bình dân học AI” nhằm thúc đẩy ứng dụng công nghệ AI trong đời sống người dân; Đẩy mạnh xây dựng chính quyền số. Thúc đẩy phát triển kinh tế số, tập trung ưu tiên chuyển đổi số trong một số lĩnh vực như nông nghiệp, công nghiệp, quản lý tài nguyên, môi trường, du lịch.

Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện “Đề án Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 – 2030”. Tăng cường công tác ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh vào sản xuất và các lĩnh vực của đời sống xã hội; đẩy mạnh chuyển giao khoa học công nghệ vào khâu sản xuất, chế biến các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, nhất là sản phẩm trà chất lượng cao, lúa đặc sản, sản phẩm chăn nuôi. Quan tâm hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển thị trường cho các sản phẩm OCOP; mở rộng ứng

dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực, thế mạnh của xã.

2.6. Về dân tộc, tôn giáo

Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn II từ năm 2026 đến năm 2030. Thực hiện tốt các chính sách đối với đồng bào dân tộc trên địa bàn, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, phát huy tốt vai trò của người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo đảm bảo chặt chẽ đúng quy định, thường xuyên nắm bắt, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh về tôn giáo; quản lý, hướng dẫn và tạo điều kiện cho hoạt động tôn giáo tại các chùa và cơ sở tôn giáo trên địa xã đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

3. Xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu

Xác định mục tiêu, nhiệm vụ chính trị trọng tâm trong nhiệm kỳ là xây dựng xã Đại Từ phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu vào năm 2030. Giai đoạn 2026-2030 tập trung xây dựng và thu hút các nguồn lực thực hiện Đề án xây dựng nông thôn mới xã Đại Từ giai đoạn 2026-2030. Tập trung tuyên truyền nâng cao nhận thức, vai trò, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và sự đồng lòng của nhân dân, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong xây dựng nông thôn mới. Thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp xây dựng nông thôn mới sát với thực tiễn của địa phương.

4. Công tác quốc phòng, an ninh, tiếp công dân, giải quyết đơn thư và cải cách hành chính

4.1. Về quốc phòng, quân sự địa phương

Quán triệt nghiêm túc các Chỉ thị, Nghị quyết của cấp trên về nhiệm vụ quốc phòng quân sự địa phương, xây dựng nền quốc phòng toàn dân. Làm tốt công tác tuyên truyền vận động, nâng cao ý thức toàn dân về nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận chiến tranh nhân dân. Duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn....; đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng quân đội và công an trong thực hiện bảo đảm an ninh trính trị - trật tự an toàn xã hội trước mọi tình huống. Chú trọng công tác xây dựng lực lượng, công tác huấn luyện, công tác động viên, tuyển quân, tuyển sinh quân sự, chính sách hậu phương quân đội, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc và hoàn thành 100% các chỉ tiêu được giao về công tác quốc phòng địa phương.

4.2. Về an ninh, trật tự, an toàn xã hội

Tiếp tục xây dựng lực lượng Quân đội, Công an xã Đại Từ cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, nắm chắc tình hình, đóng góp hiệu quả vào các chủ trương, nhiệm vụ, phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tăng cường đấu tranh, trấn áp các loại tội phạm; thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia về phòng, chống ma túy. Tiếp tục phát huy tốt vai trò của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở, giữ vững an ninh chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Chủ động nắm chắc tình hình, phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả với các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, các loại tội phạm. Thực hiện có hiệu quả các biện pháp, giải pháp nhằm kiềm chế, giảm thiểu tai nạn giao thông trên địa bàn xã.

Đẩy mạnh phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc"; Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện "Đề án Tăng cường hiệu quả công tác phòng, chống ma túy trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 – 2030"; phát hiện và xử lý kịp thời các mâu thuẫn trong nội bộ Nhân dân, không để phát sinh thành vụ việc phức tạp, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; các giải pháp tăng cường đối ngoại, hội nhập quốc tế; gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh và Đề án "Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 – 2030" trên địa bàn xã Đại Từ.

4.3. Về phòng, chống tham nhũng, lãng phí tiêu cực

Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; xây dựng văn hóa liêm chính, không tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân. Xử lý nghiêm đối với những cán bộ có hành vi những nhiễu, gây phiền hà đối với người dân, doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát nhằm phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi tham nhũng, tiêu cực, lãng phí.

Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đảm bảo đa dạng về hình thức, nội dung phù hợp với từng đối tượng, địa bàn.

4.4. Về tiếp công dân, giải quyết đơn thư

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo; nâng cao trách nhiệm thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở, góp phần giải quyết dứt điểm các vụ việc ngay từ cơ sở, phòng ngừa phát sinh điểm nóng, nổi cộm, đơn vượt cấp. Tăng cường kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. Quan tâm bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư; lựa chọn cán bộ có phẩm chất đạo đức, hiểu biết rộng, có khả năng vận động, thuyết phục để làm công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo.

4.5. Về cải cách hành chính, thi đua khen thưởng

Thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng chính quyền điện tử; tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và cung ứng các dịch vụ công trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp trên địa bàn. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện văn hóa công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, tiếp tục quan tâm bồi dưỡng về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức... nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Phát động và thực hiện hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước trên các lĩnh vực, nhân rộng điển hình tiên tiến; biểu dương, khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu, đồng thời xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có vi phạm

CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2026-2030 của UBND xã Đại Từ)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch giai đoạn 2026- 2030	Cơ quan chủ trì, theo dõi, đánh giá
1	Thu ngân sách địa phương			
-	Tốc độ tăng thu ngân sách nhà nước (không bao gồm thu tiền sử dụng đất, thu từ xổ số kiến thiết, thuế tối thiểu toàn cầu)	%	10	Phòng Kinh tế
2	Chỉ tiêu về Nông nghiệp			
	Sản lượng lương thực có hạt	(Tấn)	10.100	Phòng Kinh tế
	Sản lượng chè búp tươi	(Tấn)	13.000	
	Sản lượng thịt gia súc, gia cầm chủ yếu xuất chuồng	(Tấn)	3.170	
3	Chỉ tiêu về lao động, việc làm			
+	Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực nông thôn	%	< 2,3	Phòng Văn hoá - Xã Hội
4	Chỉ tiêu y tế			
-	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	100	Phòng Văn hoá - Xã Hội
5	Giáo dục đào tạo			
-	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia	%	100	Phòng Văn hoá – XH chủ trì các trường học trên địa bàn xã phối hợp
6	Chỉ tiêu giảm nghèo			
-	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%	0,49	Phòng Kinh tế
7	Tỷ lệ hộ gia đình được dùng nước sạch đạt chuẩn theo quy định			
-	Tại nông thôn	%	85	Phòng Kinh tế
8	Chỉ tiêu văn hóa			
-	Tỷ lệ gia đình đạt chuẩn văn hóa	%	≥ 90	Phòng Văn hoá - Xã Hội
-	Tỷ lệ thôn, tổ dân phố văn hóa	%	≥ 90	
-	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa	%	≥ 95	
9	Chỉ tiêu chuyển đổi số			
-	Tổng số hồ sơ công việc tại cấp xã; được xử lý trực tuyến (trừ những hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	%	100	Phòng Văn hoá – XH; Trung tâm phục vụ hành chính công, Văn phòng HĐND&UBND xã
-	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến	%	100	
-	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s	%	100	
-	Tỷ lệ dân số phủ sóng 5G	%	100	
10	Chỉ tiêu về môi trường			
	Diện tích trồng rừng mới tập trung	Ha	130	Phòng Kinh tế
-	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý	%	100	Trạm y tế xã
-	Tỷ lệ phương tiện giao thông công cộng (xe buýt, tắc xi) sử dụng năng lượng xanh	%	30	Phòng Kinh tế
11	Chỉ tiêu về quốc phòng			
-	Tỷ lệ lực lượng dân quân, tự vệ so với dân số của xã	%	2,54	Ban Chỉ huy quân sự xã
-	Thực hiện giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh cho các đối tượng theo quy định	%	20,75	